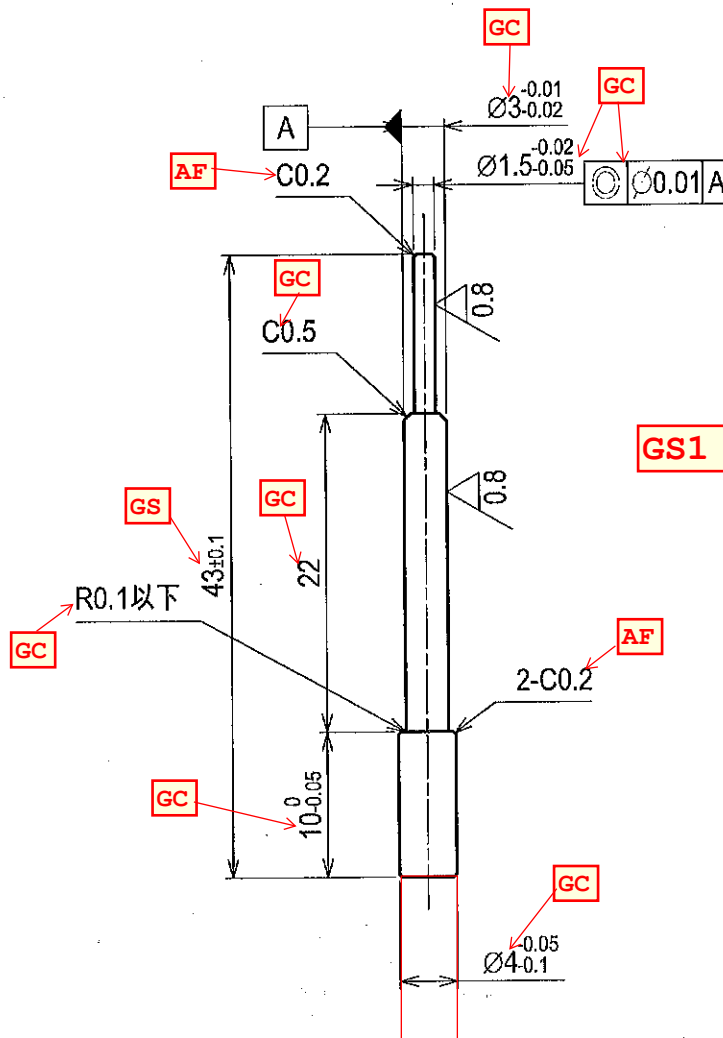


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
int	2011/06/08	新視設計	DDB-0113	Liu_Hui_Jian	Liang_Jian_Ling	$0.5 \leq \leq 6$ ± 0.1 $6 < \leq 30$ ± 0.2 $30 < \leq 120$ ± 0.3 $120 < \leq 400$ ± 0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-1, JIS B 0410-1

FINISH MARKS

 $\sqrt{3.2}$ / $(\sqrt{0.8})$


GS1 切断 mài Ø4*53

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Liu_Hui_Jian	Liang_Jian_Ling	部品図		ガイドピン
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		GUIDE PIN
HRC 58° ~ 60°	SOB	部品図		導銷
MATERIAL	DATE	SCALE		導銷
	2011/06/08	2:1		DWG.No.
				S877567

S877567

Ø4 x 53

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414.111 0024

SNO: **S877567**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKH51 Ø4*60	GS:15 GC:60 GS2:15 AF:5 KT